

XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI

TS. Nguyễn Thị Ngọc Bích
Trường Đại học Giáo dục-ĐHQGHN

Tóm tắt :

Bài báo xác định rõ bản chất khái niệm “trường đại học đẳng cấp thế giới” là một tổ chức giáo dục đã và đang tạo ra và phát triển đ- ọc năng lực cạnh tranh trong môi tr- ờng giáo dục đại học toàn cầu thông qua việc lĩnh hội, thích ứng và sáng tạo tri thức tiên tiến phục vụ phát triển xã hội. Qua ph- ơng pháp và danh sách các tr- ờng đ- ọc xếp hạng của hai tổ chức THES và SJTU, bài báo đã nhấn mạnh 3 tiêu chí cơ bản để phấn đấu trở thành đại học đẳng cấp thế giới là: 1/ tập trung nhiều tài năng, 2/ nguồn lực dồi dào để tạo dựng môi tr- ờng học tập tốt và triển khai nghiên cứu ở các lĩnh vực hàng đầu hay mũi nhọn, và 3/ có các đặc điểm quản trị thuận lợi trong đó thúc đẩy thực hiện các tầm nhìn chiến l- ợc, óc sáng tạo và sự năng động. Ba cách tiếp cận cơ bản trong phát triển đại học đẳng cấp thế giới cũng đ- ọc trình bày, đó là nâng cấp một số ít các tr- ờng đại học có tiềm năng v- ợt trội (lựa chọn ng- ời chiến thắng), sáp nhập một số tr- ờng đại học và chuyển đổi thành một tr- ờng đại học mới có khả năng qui tụ tiềm lực của nhau thành một tr- ờng đẳng cấp thế giới (tạo mẫu hỗn hợp), và thành lập các tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới từ đầu (làm mới từ đầu). Để phù hợp với điều kiện và khả năng của các tr- ờng đại học của Việt Nam, tác giả bài báo cũng gợi ý sẽ khả thi và thu đ- ợc nhiều lợi ích hơn nếu tr- ớc mắt Việt Nam đầu t- vào xây dựng tr- ờng đại học điểm quốc gia tốt nhất để từng b- ớc phấn đấu trở thành đại học có uy tín trong n- ớc và quốc tế ở từng lĩnh vực hoặc toàn diện.

Abstract

The author clearly defined the nature of “World Class University” term as the educational organization that has created and developed the competition capacity in the global higher education context through acquiring, adapting and creating progressive knowledge to develop society. Based on the methods and the list of world class universities that evaluated and classified by THES và SJTU, the author emphasized 3 basic indicators that reach “world class university”: 1/ recruiting and gathering much talented/excellent academic staffs, 2/ rich resources to build good learning environment and implement research projects that focus on the priority areas, 3/ advantaged administration and management approach and structure that nurturing and reinforcing strategic vision, creation, flexibility and pro-action. Three major approaches to build “World Class University” also have pointed out: upgrading some leading universities (selecting “the champion”), combining some universities to be one (“mixed model” to use and explore all advantages), and building the new one from the beginning. To be more effective and appropriate with Vietnamese conditions and context, the author also suggested that the Vietnamese educational leaders should invest in developing the best national university to become the prestige university in the country, the region and in all over the world in the certain academic fields or at the whole step by step.

Đặt vấn đề

Trong những thập kỷ gần đây, sự quan tâm về thứ bậc xếp hạng các tr- ờng đại học phản ánh nhận thức chung về tăng tr- ờng kinh tế và cạnh tranh toàn cầu đang tăng lên không ngừng do sự thúc đẩy và khẳng định - u thể và sức mạnh của kinh tế tri thức. Trong báo cáo “*Phát triển thế giới năm 1998/1999: Tri thức cho phát triển*” của Ngân hàng Thế giới (1999) đã nhấn mạnh vai trò t- ơng hỗ của bốn chiến l- ợc chủ chốt giúp các quốc gia định h- ớng khi chú trọng phát triển kinh tế tri thức, đó là: 1/ có một cơ chế kinh tế và thể chế phù hợp, 2/ có vốn nhân lực mạnh, 3/ có một

cơ sở hạ tầng thông tin cập nhật và năng động, và 4/ có một hệ thống phát triển sáng tạo tầm quốc gia hiệu quả. Các trường đại học có một vai trò chủ chốt trong xu thế này. Giáo dục bậc đại học là trung tâm trong bốn chiến lược trên vì sẽ hỗ trợ xây dựng một nền tảng vốn nhân lực và đóng góp cho đổi mới quốc gia hiệu quả. Giáo dục bậc đại học giúp các quốc gia xây dựng nền kinh tế phát triển và có thể cạnh tranh toàn cầu thông qua việc đào tạo và phát triển đội ngũ một lực lượng lao động linh hoạt, có năng suất cao, lành nghề và có khả năng sáng tạo, áp dụng và phổ biến những mô hình công nghệ mới.

Có nhiều vấn đề cần được đặt ra khi các trường đại học đặt sứ mạng và đang phấn đấu để tiếp cận hoặc đạt được vị trí đẳng cấp thế giới. Tại sao “đẳng cấp thế giới” là chuẩn mực mà bất kỳ quốc gia nào cũng đặt ra trong chiến lược phát triển giáo dục và rồi cố gắng xây dựng ít nhất một nhóm nhỏ các trường đại học đẳng cấp hoặc tiếp cận đẳng cấp thế giới trong hệ thống giáo dục đại học của mình? Liệu định nghĩa “đẳng cấp thế giới” có đồng nghĩa với “tinh hoa phương Tây”, và do vậy sẽ đối lập với truyền thống văn hoá trong giáo dục đại học của những quốc gia không phải phương Tây như một số nghiên cứu có thành kiến này? Có phải chỉ có các trường đại học chuyên về nghiên cứu là thuộc đẳng cấp thế giới, hay các loại hình cơ sở giáo dục khác như các đại học sư phạm, đại học giáo dục, đại học bách khoa, cao đẳng cộng đồng và đại học mở cũng có thể nằm trong số những trường tốt nhất của nhóm đó theo quan điểm quốc tế. Bài viết không đi sâu trả lời những câu hỏi này vì sẽ vượt quá khuôn khổ cho phép. Nhiều trường đại học của Việt Nam cũng đang phấn đấu thực hiện chiến lược giáo dục chung của đất nước nên việc giới thiệu rõ khái niệm “đẳng cấp thế giới”, hướng đi khả thi cho việc thành lập những trường đại học có đẳng cấp thế giới và những thách thức của hướng đi này qua kinh nghiệm quốc tế cũng có ý nghĩa và là nội dung của bài báo này.

Những tiêu chí cơ bản để trở thành “Trường đại học đẳng cấp thế giới” là gì?

Thuật ngữ “trường đại học đẳng cấp thế giới” trở thành một cụm từ quen thuộc từ thập kỷ trước. Thuật ngữ này không chỉ có ý nghĩa quen thuộc là cải thiện và đạt được chất lượng học tập và nghiên cứu trong giáo dục đại học mà quan trọng hơn là tạo ra và phát triển đội ngũ năng lực cạnh tranh trong môi trường giáo dục đại học trên toàn cầu thông qua việc lãnh hội, thích ứng và sáng tạo tri thức tiên tiến. Tuy nhiên, Altbach (2004, trong Jamil Salmi 2009, trang 4), đã có một đánh giá rất đúng rằng “mọi người đều muốn có trường đại học đẳng cấp thế giới, nhưng không ai biết đầy đủ nó là cái gì, và hầu như tất cả đều không biết bằng cách nào để có được nó”. Có thể khẳng định: việc trở thành thành viên của nhóm đặc quyền gồm các trường đại học đẳng cấp thế giới không phải tự nhiên có được qua việc tự xếp hạng mà do quốc tế công nhận. Sau đây là danh sách 20 trường đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings (THES) 2008 và của SJTU (Shanghai Jiao Tong University--Đại học Giao thông Thượng Hải), Academic Ranking of World Universities 2008:

Thứ hạng	THES	Thứ hạng	SJTU
1	Đại học Harvard	1	Đại học Harvard
2	Đại học Yale	2	Đại học Stanford
3	Đại học Cambridge	3	Đại học California, Berkeley
4	Đại học Oxford	4	Đại học Cambridge
5	Viện công nghệ California	5	Viện công nghệ Massachusetts (MIT)
6	Trường Imperial College London	6	Viện công nghệ California
7	Đại học College London	7	Đại học Columbia
8	Đại học Chicago	8	Đại học Princeton
9	Viện công nghệ Massachusetts	9	Đại học Chicago

	(MIT)		
10	Đại học Columbia	10	Đại học Oxford
11	Đại học Pennsylvania	11	Đại học Yale
12	Đại học Princeton	12	Đại học Cornell
13	Đại học Duke	13	Đại học California, Los Angeles
14	Đại học Johns Hopkins	14	Đại học California, San Diego
15	Đại học Cornell	15	Đại học Pennsylvania
16	Đại học quốc gia Ô-xtrây-li-a	16	Đại học Washington, Seattle
17	Đại học Stanford	17	Đại học Wisconsin, Madison
18	Đại học Michigan	18	Đại học California, San Francisco
19	Đại học Tokyo	19	Đại học Tokyo
20	Đại học McGill	20	Đại học Johns Hopkins

Nguồn: THES 2008; SJTU 2008

Quy trình xếp hạng cho đến gần đây vẫn chủ yếu bao gồm nhiều yếu tố chủ quan có đ-ợc từ danh tiếng. Thực chất ch- a có cách đánh giá trực tiếp và chính xác nào đ-ợc đ- a ra để minh chứng cho vị thế - u việt của các tr- òng này qua kết quả đào tạo sinh viên cao học, kết quả nghiên cứu, và chuyển giao công nghệ. Việc sinh viên tốt nghiệp các tr- òng trên đ-ợc trả l- ơng cao hơn cũng có thể đ-ợc xem là dấu hiệu để đánh giá giá trị đào tạo đích thực theo gợi ý trong một số nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (2009). Hai hệ thống xếp hạng quốc tế toàn diện nhất hiện nay là THES và SJTU nh- ã nêu trên vì đã tạo đ-ợc sự so sánh chuẩn rộng rãi giữa các tr- òng ở các quốc gia khác nhau.

Để xác định tầm cỡ quốc tế của các tr- òng cần sử dụng các thông tin khách quan và chủ quan thu đ-ợc từ chính các tr- òng đại học và từ công chúng. Từ năm 2004, THES đã chọn ra 200 tr- òng hàng đầu thế giới và ph- ơng pháp luận của cách xếp hạng này chủ yếu tập trung vào danh tiếng quốc tế, kết hợp với những thông tin chủ quan nh- đánh giá của các tr- òng khác và khảo sát công tác tuyển ng- òi quản lý, thông tin định l- ợng nh- số l- ợng các khoa và sinh viên quốc tế và tầm ảnh h- ớng của khoa nh- các kết quả nghiên cứu và giảng dạy. Từ năm 2003, SJTU đã sử dụng ph- ơng pháp xếp hạng là tập trung vào các chỉ số khách quan riêng biệt nh- thành tích nghiên cứu và học thuật của các khoa, các cựu sinh viên và giảng viên để tìm ra 500 tr- òng đại học hàng đầu thế giới, nh- ng cũng chú trọng biện pháp đánh giá dựa trên các ấn phẩm, tài liệu đ-ợc công bố và các giải th- ờng quốc tế, đặc biệt nh- Giải Nobel, Huy ch- ơng Sự nghiệp giáo dục. Bảng xếp hạng trên là minh chứng xác đáng và tin cậy của cách tuyển chọn của hai tổ chức này.

Hai tác giả Salmi và Saroyan (2007) cũng đã khẳng định rằng cho dù còn những hạn chế trong cách thức xếp hạng khi thực hiện bất cứ đợt xếp hạng nào thì các tr- òng đại học đ-ợc công nhận có đẳng cấp thế giới vẫn chủ yếu do những thành tích xuất sắc của chính đại học. Các tr- òng này đào tạo ra những sinh viên giỏi đáp ứng đ-ợc yêu cầu cao của thị tr- òng lao động; thực hiện đ-ợc những công trình nghiên cứu mới đ-ợc đăng trên những tạp chí khoa học hàng đầu; đóng góp vào công cuộc đổi mới công nghệ thông qua các bằng sáng chế và chứng chỉ tại các viện nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyển giao phục vụ phát triển kinh tế và giáo dục cộng đồng.

Tác giả Jamil Salmi (2009) cũng trích dẫn một số nhà nghiên cứu nh- Altbach (2004), Khoon và cộng sự (2005), và Niland (2000, 2007) để chỉ rõ rằng các học giả này đã đ- a ra định nghĩa về tr- òng đại học đẳng cấp thế giới bằng cách xác định một số đặc điểm cơ bản của tr- òng (những yếu tố mà các tr- òng này có và các tr- òng khác không có) nh- : đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao, xuất sắc trong nghiên cứu, giảng dạy có chất l- ợng cao; có nguồn tài trợ lớn từ chính phủ và phi chính phủ; có sinh viên quốc tế và tài năng; tự do nghiên cứu; có cơ cấu quản trị tự

chủ tốt, cơ sở trang thiết bị tốt cho giảng dạy, nghiên cứu, quản lý hành chính, và th- ờng là đời sống và quản lý sinh viên tốt.

Tóm lại, những kết quả nổi trội của các tr- ờng đại học hàng đầu về số l- ợng sinh viên đ- ọc nhiều ng- ời sử dụng lao động mong muốn tuyển dụng, các nghiên cứu mới và chuyển giao công nghệ vẫn đ- ọc xem là thành tố trọng yếu trong 3 tập hợp chính sau: 1/ tập trung nhiều tài năng (giảng viên, sinh viên, nghiên cứu sinh, và quốc tế hoá), 2/ nguồn lực dồi dào để tạo dựng môi tr- ờng học tập tốt và triển khai nghiên cứu ở các lĩnh vực hàng đầu hay mũi nhọn (ngân sách công, nguồn tài trợ hảo tâm, học phí, tài trợ nghiên cứu), và 3/ có các đặc điểm quản trị thuận lợi trong đó thúc đẩy thực hiện các tầm nhìn chiến l- ợc, óc sáng tạo và sự năng động, cũng nh- làm cho bộ phận trong tổ chức có khả năng ra quyết sách và quản lý nguồn lực mà không bị các thủ tục hành chính quản liêu gây trở ngại (khuôn khổ pháp lý hỗ trợ, quyền tự chủ, tự do nghiên cứu, nhóm lãnh đạo có tầm nhìn chiến l- ợc, và văn hoá chuẩn mực cao) (Salmil, 2009).

Hai quan điểm cơ bản và ba cách tiếp cận chiến l- ợc để xây dựng các tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới

Hiện nay trên thế giới có hai quan điểm cân đ- ọc cân nhắc khi xây dựng đại học đẳng cấp thế giới. Quan điểm đầu tiên liên quan đến vai trò của chính phủ cấp quốc gia, các cơ quan nhà n- ớc cấp bang và tỉnh, cũng nh- nguồn lực của các cơ quan này dành cho việc phát triển danh tiếng của các tr- ờng. Quan điểm thứ hai mang tính nội tại từng tr- ờng cân phải có kế hoạch thực hiện tiến trình cần thiết để tự chuyển đổi thành tr- ờng đẳng cấp thế giới.

Salmi, J. and Saroyan (2007) đã tổng kết thành 3 cách tiếp cận chiến l- ợc cơ bản từ kinh nghiệm quốc tế về xây dựng tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới nh- sau:

1. Các chính phủ có thể xem xét việc nâng cấp một số ít các tr- ờng đại học có tiềm năng v- ợt trội (lựa chọn ng- ời chiến thắng)
2. Các chính phủ có thể khuyến khích một số cơ sở giáo dục sáp nhập với nhau và chuyển đổi thành một tr- ờng đại học mới có khả năng qui tụ tiềm lực của nhau thành một tr- ờng đẳng cấp thế giới (tạo mẫu hỗn hợp)
3. Các chính phủ có thể thành lập mới các tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới từ đầu (làm mới từ đầu).

Hai tác giả trên cũng đã tóm tắt - u và nh- ợc của mỗi cách tiếp cận. Các quốc gia có thể triển khai đồng thời các chiến l- ợc dựa trên những mô hình nêu trong bảng sau:

Các điều kiện	Nâng cấp các tr- ờng	Sáp nhập các tr- ờng	Thành lập các tr- ờng mới
Khả năng thu hút nhân tài	Khó khăn trong việc thay mới nhân sự và đổi mới tên để thu hút sinh viên hàng đầu	Có cơ hội để thay đổi phong cách lãnh đạo và thu hút đội ngũ nhân lực mới; đội ngũ cũ có thể chống lại việc này	Có cơ hội lựa chọn những ng- ời giỏi nhất (cán bộ, giáo viên và sinh viên); khó khăn trong đào tạo sinh viên hàng đầu trong một tr- ờng hiện ch- a có danh tiếng; cần tạo ra truyền thống nghiên cứu và giảng dạy
Chi phí	Ít tốn kém hơn	Trung bình	Tốn kém hơn
Quản lý	Khó khăn trong chuyển đổi cách thức hoạt động	Có khả năng hơn trong việc tạo ra quy chế pháp lý khác với những quy chế của các	Có cơ hội lập ra cơ chế tạo động lực và quy định pháp lý phù hợp

	trong khuôn khổ quy định giống nh- cũ	tr- ờng hiện tại	
Văn hoá của tr- ờng	Khó khăn trong chuyển đổi từ môi tr- ờng cũ	Có thể gặp khó khăn trong việc tạo ra bản sắc mới khác với văn hoá truyền thống của tr- ờng; nếu tạo đ- ợc sự thống nhất trong đa dạng cũng là sức mạnh	Có cơ hội tạo ra văn hoá về sự xuất sắc toàn diện
Quản lý sự thay đổi	Có sự vận động tham vấn và liên lạc rộng khắp với tất cả ng- ời liên quan	Có cách tiếp cận “chuẩn mực” trong việc giáo dục cho tất cả ng- ời liên quan về những chuẩn mực và văn hoá tr- ờng cần xây dựng	Có cách tiếp cận “thích nghi với môi trường” trong việc tiếp cận và quảng bá trực tiếp về tr- ờng mới

Các tác giả trên cũng nêu ra những câu hỏi chủ yếu cần trả lời khi xây dựng đại học đẳng cấp thế giới

1. Vì sao cần có tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới? Những lợi ích kinh tế và giá trị gia tăng mà chính phủ/tổ chức giáo dục mong muốn là gì khi thành lập một tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới so với giá trị của những tr- ờng hiện tại? Nhà n- ớc mong muốn có thể đầu t- xây dựng bao nhiêu tr- ờng đại học đẳng cấp thế giới?
2. Tâm nhìn của tr- ờng và vị trí mà tr- ờng này sẽ đạt đ- ợc là gì? Các mục tiêu cụ thể cần đạt đ- ợc và mục tiêu - u tiên là gì?
3. Chiến l- ọc nào là phù hợp nhất trong hoàn cảnh hiện tại của quốc gia: nâng cấp các tr- ờng hiện có, sáp nhập lại, hay xây dựng các tr- ờng mới? Quá trình chọn lọc các tr- ờng sẽ thế nào nếu cách tiếp cận thứ nhất và thứ hai đ- ợc lựa chọn?
4. Các nguồn tài trợ cho sự chuyển đổi là bao nhiêu? Bao nhiêu phần trăm đ- ợc chi từ ngân sách nhà n- ớc? Phần nào sẽ do khu vực t- nhân tài trợ? Các cách cụ thể hoá nguồn sẽ thế nào (cấp đất hay miễn thuế...)?
5. Công việc quản lý sẽ thế nào để thúc đẩy quá trình chuyển đổi và hỗ trợ cho thực tiễn quản trị phù hợp? Mức độ tự chủ và các hình thức chịu trách nhiệm đ- ợc áp dụng ra sao cho phù hợp và hiệu quả? Vai trò của chính phủ trong quá trình này?
6. Làm thế nào để tr- ờng đại học đó xây dựng đ- ợc đội ngũ lãnh đạo tốt nhất?
7. Những lĩnh vực nào tr- ờng đó cần phấn đấu đạt mức xuất sắc trong cả giảng dạy và nghiên cứu?
8. Nhóm sinh viên h- ớng tới là đối t- ợng nào?
9. Các mục tiêu quốc tế hoá mà tr- ờng đó cần phải đạt đ- ợc là gì (về chuyên ngành, sinh viên, chương trình, v.v...)?

Kết luận

Các tr- ờng đại học xếp hạng cao nhất đã và đang đóng góp nhiều vào sự tiến bộ của tri thức thông qua nghiên cứu, giảng dạy với giáo trình và ph- ơng pháp s- phạm sáng tạo nhất trong môi tr- ờng thuận lợi nhất, coi nghiên cứu là một bộ phận cấu thành trong giảng dạy sinh viên đại học, và cho ra tr- ờng những sinh viên xuất sắc cả trong quá trình học tập thật sự có cạnh tranh và quan trọng hơn là sau khi đã tốt nghiệp.

Không có một công thức chung hay một ph- ơng thức tối - u nào để tạo ra đ- ợc một tr- ờng đẳng cấp thế giới. Điều kiện của mỗi quốc gia và mô hình của các tr- ờng rất khác nhau. Vì vậy mỗi

quốc gia phải lựa chọn trong nhiều con đường và tìm ra một chiến lược phát huy được lợi thế và nguồn lực mà họ có. Không phải tất cả các quốc gia đều cần có các trường đại học đẳng cấp thế giới toàn diện, ít nhất là chỉ cần tới khi mà những nhu cầu giáo dục đại học căn bản hơn vẫn chỉ cần đáp ứng. Cơ sở nghiên cứu đẳng cấp thế giới cần phải có được khoản đầu tư tài chính khổng lồ, tập trung được nhiều nhân tài xuất chúng, có chính sách quản lý tạo điều kiện tối đa cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu. Nhiều quốc gia phát triển, trong đó có Việt Nam, có lẽ sẽ khả thi và thu được nhiều lợi ích hơn nếu trước mắt đầu tư vào xây dựng trường đại học điểm quốc gia tốt nhất theo khuôn mẫu của các trường đại học Mỹ trong thế kỷ 19 hay như trường Đại học bách khoa của Đức và Canada. Những trường như vậy luôn coi trọng nhu cầu đào tạo và học tập đa dạng của sinh viên trong nước và của nền kinh tế, và như vậy có thể sẽ phát triển hiệu quả và bền vững hơn. Tuy nhiên, trong cuộc tranh đua phát triển kinh tế tri thức toàn cầu, khách hàng của các cấp giáo dục đại học cũng tìm kiếm các chỉ số để nâng cao khả năng phân biệt và tiếp cận với những trường đại học tốt nhất. Với sức mạnh của thứ bậc, các chính phủ nên sử dụng bảng xếp hạng để thúc đẩy nền văn hoá chú trọng chất lượng; các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục rất cần hiểu và tận dụng được ý nghĩa của các bảng xếp hạng để lập kế hoạch chiến lược hay cải thiện chất lượng và từng bước phấn đấu trở thành đại học có uy tín trong nước và quốc tế ở từng lĩnh vực hoặc toàn diện.

Tài liệu tham khảo

Salimi, J. 2009. *The Challenges in Building World Universities*. World Bank.

Salimi, J., and A. Saroyan. 2007. "League Tables as Policy Instruments: Uses and Misuses." *Higher Education Management and Policy* 19 (2): 24-62.

SJTU. 2008. *Academic Ranking of World Universities 2008*. Retrieved September 30, 2008, from <http://www.arwu.org.rank2008/EN2008.htm>.

THES.2008. *The Times Higher Education World University Rankings 2008*. Retrieved September 30, 2008, from <http://www.timeshighereducation.co.uk/hybrid.asp?typeCode=243&pubCode=1>

World Bank. 1999. *World Development Report 1998/1999: Knowledge for Development*. Washington, DC: World Bank. Retrieved December 2, 2008, from <http://www.worldbank.org/wdr98/contents.htm>.